

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HS-ST
Ngày: 07/02/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN KIẾN AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyệt;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Bình và bà Hoàng Thị Chính.

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Trang- Thư ký Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thư-Kiểm sát viên.

Ngày 07/02/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 02/2018/TLST- HS ngày 19/01/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2018/QĐXXST-HS ngày 26/01/2018 đối với bị cáo:

Bùi Đức N, sinh ngày 22/10/1981, tại Hải Phòng; trú tại: Số 3/4/40/191 đường L, phường G, quận N, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch Việt Nam; con ông Bùi Ngọc H và bà Phạm Thị ; có vợ là Trần Thị H (đã ly hôn) và 01 con; tiền sự: Không; tiền án: Có 01 tiền án, Bản án số 21/2014/HSST ngày 25/4/2014 của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xử phạt 36 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; bị tạm giữ từ ngày 21/9/2017 đến ngày 29/9/2017 chuyển tạm giam; có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, N vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Hoàng Vĩnh A, sinh năm 1986;

Nơi ĐKNKTT: Số 8/132 tổ đường 5/2, phường Q, quận H, thành phố Hải Phòng;

Nơi ở: Thôn T, xã L, huyện V, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

2. Anh Nguyễn T K, sinh năm 1997;

Trú tại: Xã T, huyện V, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Người tham gia tố tụng khác - người làm chứng:

1. Ông Vũ Tuấn H, sinh năm 1955;

Trú tại: Tổ 6, phường L, quận K, TP. Hải Phòng; vắng mặt.

2. Ông Phạm Quốc Vượng, sinh năm 1959;

Cùng nơi cư trú: Số 151 đường T, phường L, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trưa ngày 20/9/2017, Hoàng Vĩnh A và Nguyễn T K gặp nhau tại thị trấn huyện V và cùng rủ nhau mua ma túy về sử dụng. An điện thoại cho Bùi Đức N hỏi mua 500.000 đồng ma túy đá và hẹn địa điểm giao dịch tại quán Cà phê số 151 đường T, phường L, quận K, thành phố Hải Phòng, N đồng ý. Sau đó N đi xe máy BKS 16 R8- 4128 của anh trai là Bùi Đức T đến gầm cầu An Đồng thuộc huyện An Dương mua 01 gói ma túy đá với giá 300.000 đồng của một người đàn ông không quen biết và mang về bán lại cho A. Khi gần đến địa điểm hẹn gặp, nhìn thấy A và K, N dừng xe lấy băng dính đen dính túi ma túy vào thân cây sấu và gọi A và K đến, N chỉ tay vào cây sấu và bảo A: “đồ dính ở cây đó”. An đến lấy túi ma túy N dính ở trên cây xuống. Trong lúc N lấy gói ma túy từ trên thân cây sấu xuống thì N bảo K đưa trả N 450.000 đồng. Vì trời bắt đầu tối nên A không nhìn rõ và nghi ngờ nên bảo N vào quán rồi nói chuyện tiếp. Khi ngồi vào bàn uống nước, A bỏ băng dính đen kiểm tra túi ma túy và đồng ý nên bảo K đưa trả N 450.000 đồng. N nhận tiền từ tay K rồi để trên mặt bàn thì bị Công an quận K đến bắt quả tang, thu giữ vật chứng gồm:

Của Hoàng Vĩnh A: 01 túi nilon kích thước 1x1,5cm, bên trong có chứa tinh thể màu trắng; 01 điện thoại Iphone 4 màu đen và 01 mảnh băng dính màu đen và số tiền 95.000 đồng.

Của Bùi Đức N: 01 điện thoại Nokia vỏ màu xanh; 01 ví da màu nâu bên trong ví có 01 căn cước công dân của Bùi Đức N; 01 xe mô tô BKS: 16R8-4128 và 01 con dao dọc giấy và số tiền là 450.000 đồng, bao gồm 05 tờ tiền (01 tờ mệnh giá 200.000 đồng, 01 tờ mệnh giá 100.000 đồng và 03 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng) (bút lục số 43-46, 47-51).

Ngày 20/9/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra-Công an quận K tiến hành Lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở của Bùi Đức N tại số 3/4/40/191 đường L, phường G, quận N, thành phố Hải Phòng thu giữ một số đồ vật liên quan đến việc sử dụng ma túy, bao gồm: 01 cuộn băng dính màu đen; 01 túi nilon màu trắng kích thước 07cm x10 cm bên trong túi có 01 tẩu thủy tinh dài khoảng 07 cm; 01 nắp chai nhựa màu xanh, 02 ống hút nhựa màu trắng và 01 vỏ túi nilon.(bút lục số 72,73).

Tại kết luận giám định số 1033/KLGD ngày 22/9/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: Mẫu tinh thể gửi giám định là ma túy, có trọng lượng 0,3011 gam là loại Methamphetamine (bút lục số 79).

Tại cơ quan điều tra, Bùi Đức N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên (bút lục số 106-141).

Nội dung lời khai của người có quyền lợi, N vụ liên quan trong vụ án là Hoàng Vĩnh A và Nguyễn T K (bút lục số 144-151, 154-168), nội dung lời khai của những người làm chứng (bút lục số 169-170, 175-176) đều thống nhất nội dung đã nêu trên.

Quá trình điều tra xác định xe mô tô BKS: 16R8-4128 do anh Bùi Đức T là chủ sở hữu hợp pháp. Anh T cho N mượn nhưng không biết việc N dùng xe mô tô làm phương tiện phạm tội, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh Bùi Đức T.

Đối với hành vi tàng trữ trái phép 0,3011 gam chất ma túy của Hoàng Vĩnh A và Nguyễn T K ngày 20/9/2017, với trọng lượng ma túy thu giữ không đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy theo Nghị định 167 ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Đối với số tiền 95.000 đồng thu giữ của Hoàng Vĩnh A, là tài sản của A không liên quan đến việc mua bán trái phép chất ma túy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho A.

Đối với người đàn ông bán ma túy cho Bùi Đức N tại gầm cầu An Đồng ngày 20/9/2017, hiện không xác minh được nhân thân lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K tiếp tục điều tra, xác minh, xử lý sau.

Tại cáo trạng số 03/CT-VKS ngày 19/01/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng đã truy tố Bùi Đức N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Bùi Đức N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Bị cáo tỏ ra ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa những người có quyền lợi, N vụ liên quan là anh Hoàng Vĩnh A, Nguyễn T K và những người làm chứng là ông Vũ Tuấn H và ông Phạm Quốc V đều đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của họ và một số tài liệu khác trong hồ sơ vụ án theo quy định của pháp luật.

Sau quá trình thẩm vấn, sau khi phân tích, đánh giá tính chất của vụ án cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo;

Đại diện Viện kiểm sát trình bày lời luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Khoản 1, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Đức N phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”;

Về mức hình phạt: Xử phạt Bùi Đức N mức án từ 04 đến 05 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo từ 5.000.000 đồng triệu đến 10.000.000 triệu đồng.

Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, lời khai của bị cáo, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, N vụ liên quan đến vụ án, những người làm chứng, phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy đã có đủ cơ sở kết luận như sau: Vào khoảng 18 giờ 20 phút ngày 20/9/2017, tại trước cửa quán cà phê số 151 đường T, L, quận K, Hải Phòng, Bùi Đức N đã có hành vi bán trái phép 0,3011 gam chất ma túy (loại Methamphetamine) cho Hoàng Vĩnh A và Nguyễn T K nên hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình năm 1999 sự như Viện Kiểm sát đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Tệ nạn ma túy đã và đang là hiểm họa lớn, gây tác hại xấu cho sức khỏe con người, làm băng hoại các giá trị văn hóa, đạo đức, truyền thống của dân tộc, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội và là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Vì vậy cần phải có hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và đặc điểm nhân thân của bị cáo.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Theo Bản án số 21/2014/HSST ngày 25/4/2014 của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xử phạt Bùi Đức N 36 (Ba mươi sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, bị cáo chưa chấp hành xong các quyết định của bản án nên chưa được xóa án tích. Vậy nên lần phạm tội này của bị cáo được xác định là trường hợp “tái phạm” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[5] Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đặc điểm nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bùi Đức N có nhân thân xấu, ngày 25/4/2014 bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xử phạt 36 tháng tù cũng về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Bị cáo đã bị cách ly khỏi xã hội, được giáo dục, cải tạo một thời gian dài nhưng vì hám lợi ích kinh tế, không chịu lao động hợp pháp, bị cáo đã mua ma túy với mục đích bán lại kiếm tiền. Điều đó thể hiện thái độ thiếu tôn trọng pháp luật của bị cáo. Vì vậy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, xử bị cáo ở trên mức khởi điểm của khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 nhưng không cần thiết phải cao như mức hình phạt đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung, đồng thời thể hiện được tính nghiêm minh của pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có việc làm và thu nhập ổn định, không có tài sản riêng có giá trị lớn. Hơn nữa bị cáo còn chưa có khả năng thực hiện phần án phí hình sự sơ thẩm và phần phạt bổ sung của bản án trước. Do vậy không áp dụng phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với chiếc xe mô tô BKS: 16R8-4128, quá trình điều tra xác định chủ sở hữu hợp pháp là anh Bùi Đức T, anh T cho N mượn nhưng không biết việc N dùng xe mô tô làm phương tiện phạm tội, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh Bùi Đức T là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với chiếc điện thoại Iphone 4 màu đen thu giữ của Hoàng Vĩnh An, 01 điện thoại Nokia vỏ màu xanh thu giữ của Bùi Đức N và số tiền là 450.000 đồng là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự 1999; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Đối với 01 căn cước công dân của Bùi Đức N là giấy tờ chứng minh nhân thân, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần áp dụng điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 để trả lại cho Bùi Đức N.

Đối với 01 túi ma túy kích thước 01x1,5cm, 01 mảnh băng dính màu đen (thu giữ của Hoàng Vĩnh A); 01 cuộn băng dính màu đen, 01 túi nilon màu trắng kích thước 07cm x10 cm bên trong túi có 01 tẩu thủy tinh dài khoảng 07 cm; 01 nắp chai nhựa màu xanh, 02 ống hút nhựa màu trắng và 01 vỏ túi nilon 01 dao dọc giấy, 01 ví da màu nâu (thu giữ của Bùi Đức N) là công cụ, phương tiện phạm tội, vật cất tàng trữ, lưu hành trái phép, vật không có giá trị và Bùi Đức N cũng không có nhu cầu nhận lại nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự 1999; khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

[8] Một số nội dung khác trong vụ án:

Đối với hành vi tàng trữ trái phép 0,3011 gam chất ma túy của Hoàng Vĩnh

A và Nguyễn T K ngày 20/9/2017, với trọng lượng ma túy thu giữ không đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy theo Nghị định 167 ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Số tiền 95.000 đồng thu giữ của Hoàng Vĩnh A, quá trình điều tra xác định đây là tài sản của A không liên quan đến việc mua bán trái phép chất ma túy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho A là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Đối với người đàn ông bán ma túy cho Bùi Đức N tại gầm cầu An Đồng ngày 20/9/2017, hiện không xác minh được nhân thân lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K tiếp tục điều tra, xác minh, xử lý sau là phù hợp với các quy định của pháp luật.

[9] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K, Kiểm sát viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận K trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử cũng như tại phiên tòa, không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[10] Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999;

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Đức N phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”;

Xử phạt: Bị cáo Bùi Đức N 42 (Bốn mươi hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 21/9/2017.

Về xử lý vật chứng:

Áp dụng: Điểm a, b khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự 1999; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại Iphone 4 màu đen thu giữ của Hoàng Vĩnh A, 01 điện thoại Nokia vỏ màu xanh thu giữ của Bùi Đức N và số tiền là 450.000 (Bốn trăm năm mươi nghìn) đồng.

Áp dụng: Điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, trả lại cho Bùi Đức N: 01 căn cước công dân số 03181003190 mang tên Bùi Đức N.

Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự 1999; khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, tịch thu tiêu hủy: 01 túi ma túy kích thước 1x1,5cm, 01 mảnh băng dính màu đen, 01 cuộn băng dính màu đen, 01 túi nilon màu trắng kích thước 07cm x10 cm bên trong túi có 01 bầu thủy tinh dài khoảng 07 cm; 01 nắp chai nhựa màu xanh, 02 ống hút nhựa màu trắng và 01 vỏ túi nilon 01 dao dọc giấy, 01 ví da màu nâu.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận K và Ủy nhiệm chi số 02 ngày 23/01/2018 giữa Công an quận K và Chi cục Thi hành án dân sự quận K).

Áp dụng: Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 buộc bị cáo Bùi Đức N phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Bùi Đức N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, N vụ liên quan là anh Hoàng Vĩnh An và anh Nguyễn T K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- Công an TP. Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP. Hải Phòng;
- VKSND quận K;
- Công an quận K;
- Chi cục THADS quận K;
- THA Hình sự quận K;
- Bị cáo, người có QLNVLQ;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Duyên